

Bản án số: 08/2025/HS-ST
Ngày 20/01/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN Đ, TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Anh Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Hưng và ông Lê Khả Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Minh Chinh là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Huyện Đ, tỉnh G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 82/2024/HSST, ngày 29 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HS, ngày 03 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo:

1. Phạm Văn H, tên gọi khác: không, sinh ngày 15 tháng 11 năm 1999 tại: tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Tổ dân phố 6, thị trấn Ia Kha, Huyện Ia Grai, tỉnh G; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hoá: 9/10; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Hoàng, sinh năm 1965 và bà Trần Thị Hoa, sinh năm 1968; bị cáo có vợ tên là Hoàng Nguyễn Thùy Dương, sinh năm 2006. Bị cáo có 01 con, sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2019/HS-ST, ngày 10/4/2019 của Tòa án nhân dân Huyện Ia Grai, tỉnh G đã xử phạt bị cáo 04 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự. Ngày 25/01/2022 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù. Bị cáo đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/8/2024 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an Huyện Đ.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1979. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn Ia Tang, xã Ia Kla, Hện Đ, tỉnh G.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Anh Phạm Xuân Cường, sinh năm 1992. Vắng mặt.

Trú tại: Tổ dân phố 6, thị trấn Ia Kha, Hện Ia Grai, tỉnh G.

- *Người làm chứng*: Anh Nguyễn Văn Hùng, sinh năm 1997. Vắng mặt.

Trú tại: Làng Sung Kép, xã Ia Kla, Hện Đ, tỉnh G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 30 phút, ngày 14/8/2024, sau khi làm thuê tại làng Hrang, xã Ia Kriêng, Hện Đ, tỉnh G, Phạm Văn H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu sơn đen bạc, BKS: 81B2-355.37 về nhà tại thị trấn Ia Kha, Hện Ia Grai, tỉnh G. Khi đến khu vực làng Sung Kép, xã Ia Kla, Hện Đ, tỉnh G thì H phát hiện chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1979, trú tại: thôn Ia Tang, xã Ia Kla, Hện Đ, tỉnh G đang điều khiển xe mô tô phía trước cùng chiều. H quan sát thì thấy trong túi quần bên trái của chị H1 có một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại Galaxy A14, màu đen, ốp màu hồng lò ra bên ngoài, nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. H điều khiển xe mô tô đi sau để lựa chọn thời điểm cướp giật. Khi cả hai đến khu vực đầu dốc cầu Sơn thuộc làng Sung Kép, xã Ia Kla, Hện Đ, tỉnh G, do thấy đến đoạn đường vắng người, ít xe qua lại nên H đã điều khiển xe đi gần xe của chị H1, áp sát và dùng tay giật lấy chiếc điện thoại trong túi quần của chị H1 rồi tăng ga xe bỏ chạy. Chị H1 hô hoán và đuổi theo nhưng không kịp. H bỏ chạy đến khu vực vườn cao su thuộc xã Ia Dok thì dừng lại lấy chiếc điện thoại vừa cướp giật ra xem rồi mở ốp lưng và sim điện thoại rút đi nhằm mục đích cho bị hại không tìm được. Sau đó, H về nhà tại tổ dân phố 6, thị trấn Ia Kha, Hện Ia Grai, tỉnh G thì thấy có thông tin Công an truy tìm mình trên các trang mạng nên đã đến Công an Hện Đ để đầu thú và giao nộp 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại Galaxy A14, màu đen mà H đã cướp giật của chị H1.

Ngày 22/8/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Hện Đ đã yêu cầu định giá tài sản đối với chiếc điện thoại, ốp lưng và chiếc sim điện thoại mà H đã cướp giật nêu trên. Tại kết luận định giá tài sản số 42/KL-HĐĐGTS, ngày 28/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Hện Đ, kết luận:

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại Galaxy A14, màu đen, điện thoại được mua mới vào tháng 4 năm 2023 với giá tiền 3.800.000đ

(ba triệu tám trăm nghìn đồng), trị giá định giá là: 2.785.400 (hai triệu bảy trăm tám mươi lăm ngàn bốn trăm đồng)

- 01 (một) chiếc ốp lưng điện thoại, được làm bằng nhựa dẻo. Mua mới vào tháng 4 năm 2023 với giá tiền 50.000đ (năm mươi nghìn đồng), trị giá định giá là: 36.650 (ba mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi đồng).

- 01 (một) sim điện thoại di động của nhà mạng Viettel. Sim điện thoại mua mới vào năm 2013 với giá tiền 60.000đ (sáu mươi nghìn đồng), trị giá định giá là: 50.000đ (năm mươi nghìn đồng).

Tổng tài sản mà H đã cướp giật của chị H1 là: 2.872.050đ (hai triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn không trăm năm mươi đồng).

Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định.

Tại Bản Cáo trạng số: 83/CT-VKS, ngày 29/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân Hện Đ, tỉnh G đã truy tố bị cáo Phạm Văn H về tội “Cướp giật tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố đề nghị:

- Về tội danh:

Đề nghị tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn H phạm tội “Cướp giật tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Về mức hình phạt: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; các Điều 38, 50; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Đề nghị: Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn H từ 04 (bốn) năm tù đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Về xử lý vật chứng của vụ án: Đã được xử lý trong quá trình điều tra vụ án. Vì vậy, không đề cập đến.

- Về trách nhiệm dân sự: Sau khi phạm tội bị cáo Phạm Văn H đã tác động gia đình bồi thường cho chị Nguyễn Thị H1 số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng). Chị H1 đã nhận tiền và không yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bị cáo Phạm Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

- Ý kiến của bị hại: Bị hại vắng mặt tại phiên tòa, không có ý kiến.

- Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Vắng mặt tại phiên tòa, không có ý kiến.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội

đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào khoảng 16 giờ 30 phút, ngày 14/8/2024, tại đoạn đường thuộc làng Sung Kép, xã Ia Kla, Hện Đ, tỉnh G Phạm Văn H điều khiển xe mô tô BKS: 81B2-355.37 giật 01 (một) chiếc điện thoại Samsung, loại Galaxy A14, màu xanh đen có ốp nhựa màu hồng. Giá trị chiếc điện thoại và ốp nhựa bị chiếm đoạt theo Kết luận định giá tài sản là: 2.822.050đ (hai triệu tám trăm hai mươi hai nghìn không trăm năm mươi đồng). Đối với chiếc sim điện thoại, bị hại có thể yêu cầu cơ quan nhà nước cấp lại, vì vậy không được tính vào giá trị thiệt hại đối với tài sản bị chiếm đoạt.

Đến ngày 17/8/2024, thì Phạm Văn H đã đến Cơ quan Công an để đầu thú.

[2] Lời khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Văn H trong quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của bị hại và những người tham gia tố tụng khác.

[3] Hành vi điều khiển xe mô tô tiếp cận gần xe mô tô do chị Nguyễn Thị H1 điều khiển, sau đó công khai chiếm đoạt chiếc điện thoại di động của chị H1 và nhanh chóng tẩu thoát của bị cáo H đã phạm vào tội: “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Hện Đ đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đến tài sản của người khác đều bị xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự xem thường pháp luật. Hành vi của bị cáo không chỉ trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của công dân mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có thời gian cải tạo, sửa chữa lỗi lầm, đồng thời bảo đảm được tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo H. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Mặc dù bị cáo không có tiền án, tiền sự, nhưng bị cáo có nhân thân xấu: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2019/HS-ST, ngày 10/4/2019 của Tòa án nhân dân Hện Ia Grai, tỉnh G đã xử phạt bị cáo 04 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình

sự. Ngày 25/01/2022 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù. Bị cáo đã được xóa án tích. Tuy nhiên bị cáo không lấy đó làm bài học tu dưỡng bản thân trở thành công dân tốt cho xã hội mà lại tiếp tục phạm tội.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi phạm tội bị cáo đã đến Cơ quan Công an đầu thú; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho bị cáo là phù hợp.

[6] Về vật chứng của vụ án:

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại Galaxy A14, màu đen, đã qua sử dụng. Đối với chiếc điện thoại này là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị H1 bị H cướp giật nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Hện Đ đã trả lại điện thoại trên cho chị H1. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

- 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu sơn đen bạc, BKS: 81B2-355.37 đây là chiếc xe mà H sử dụng vào việc phạm tội. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của anh Phạm Xuân Cường. Việc H dùng xe này đi cướp giật tài sản, anh Cường không biết. Cơ quan CSĐT đã trả lại xe mô tô trên cho anh Cường. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi phạm tội bị cáo Phạm Văn H đã tác động gia đình bồi thường cho chị Nguyễn Thị H1 số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng). Chị H1 đã nhận tiền và không yêu cầu gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo Phạm Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT Công an Hện Đ, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân Hện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm d khoản 2 Điều 171; các Điều 38, 50; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn H phạm tội: “Cướp giật tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn H 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là ngày 17/8/2024.

Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Văn H phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 20/01/2025) để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Hện Đ;
- Công an Hện Đ;
- Bị cáo;
- Những người TGTT khác;
- TAND tỉnh G;
- THADS;
- Lưu hồ sơ/VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Trần Đặng Anh Việt

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

